FireAnt

CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh (HNX: TTT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	31,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,000
SL cổ phiếu LH	4,570,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	875
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	142
P/E	5.4
EPS	5,722

	YTD	1T	3T	6T
TTT	-11.1%	5.4%	2.0%	0.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

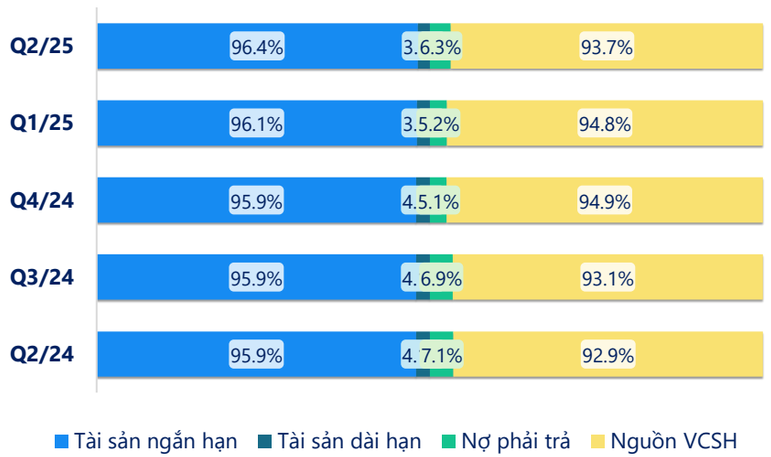

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

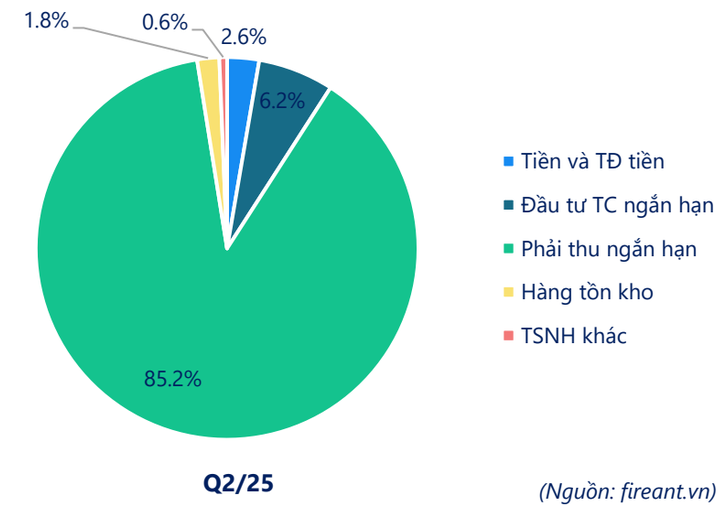

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

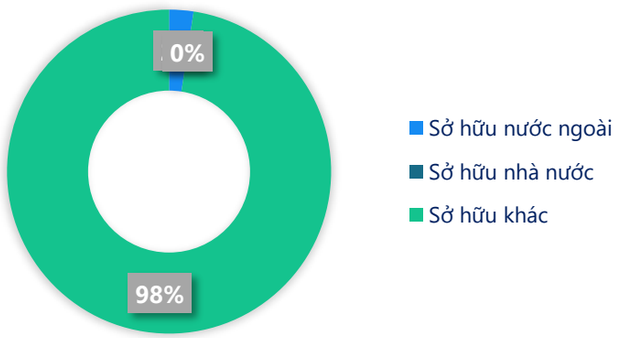

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

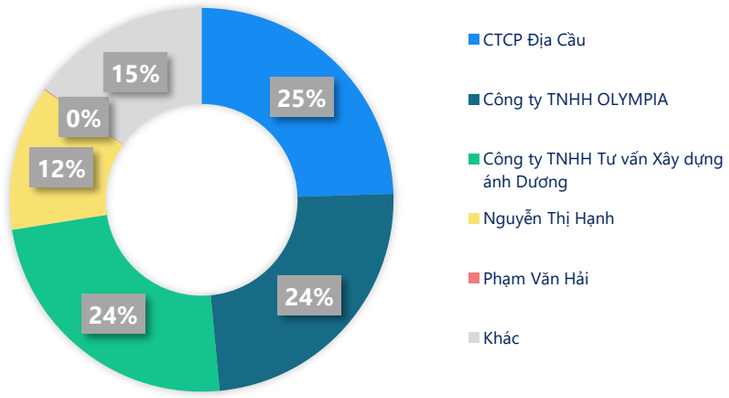

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

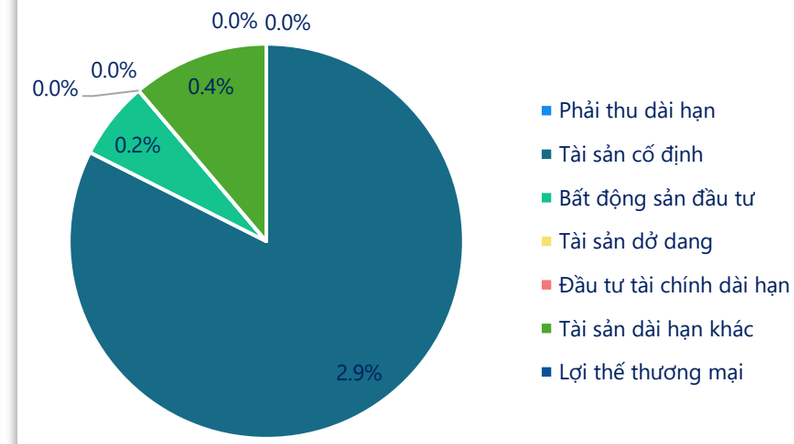

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh (HNX: TTT)

Tiền và tương đương tiền

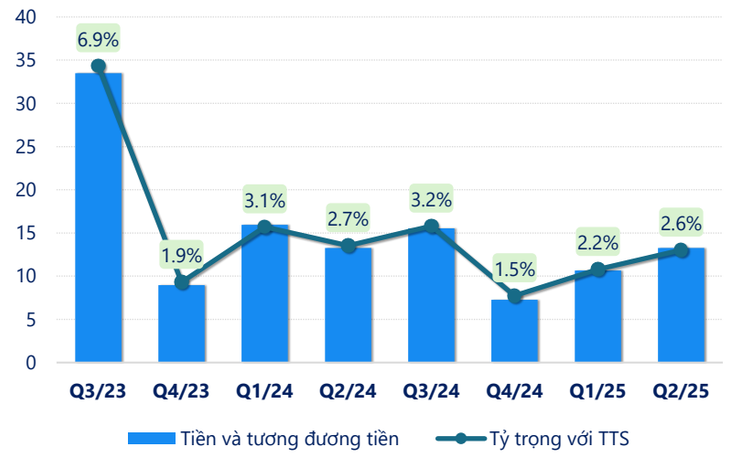

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

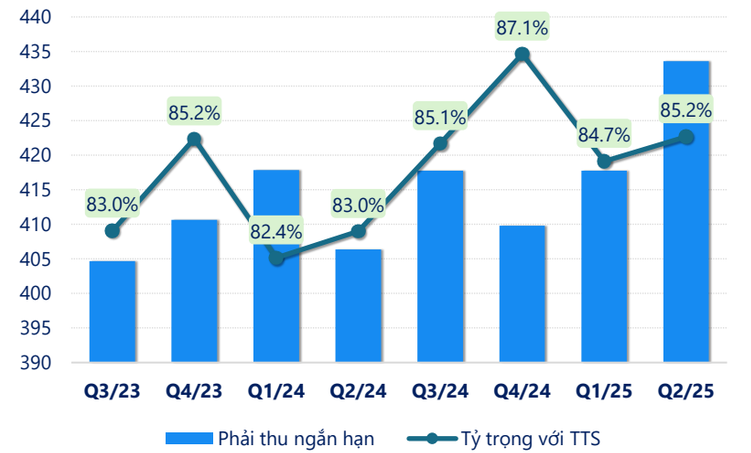

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

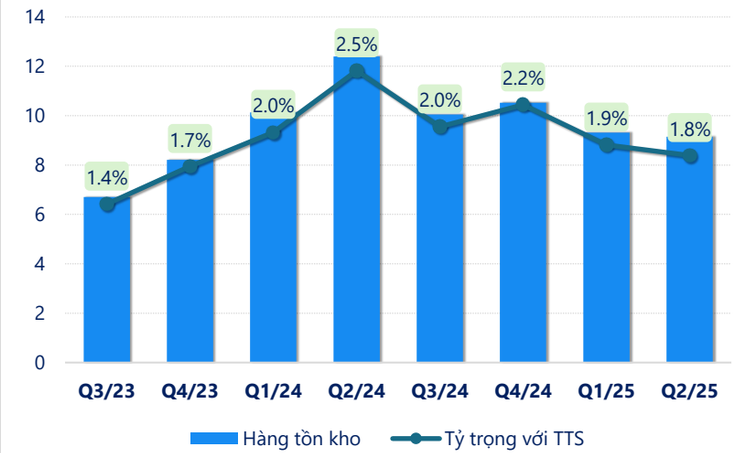

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

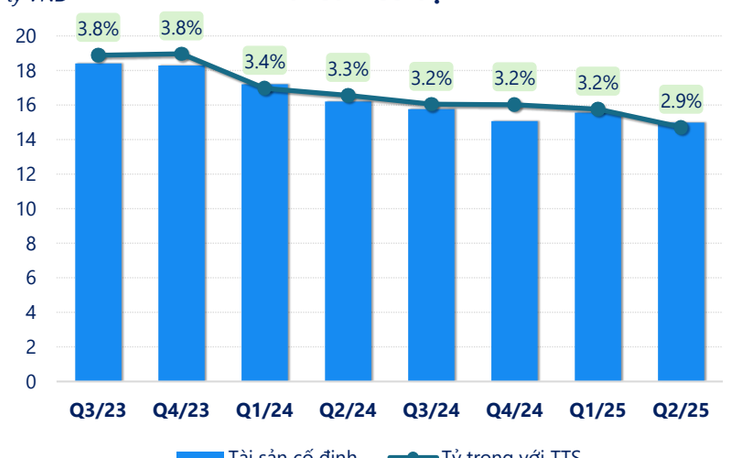

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

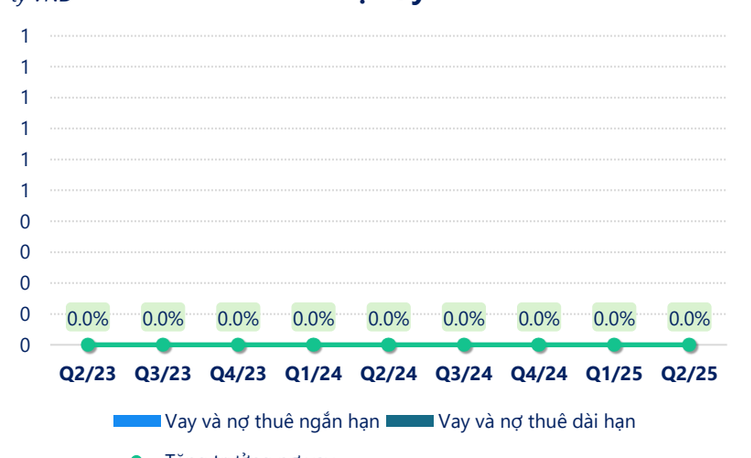

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

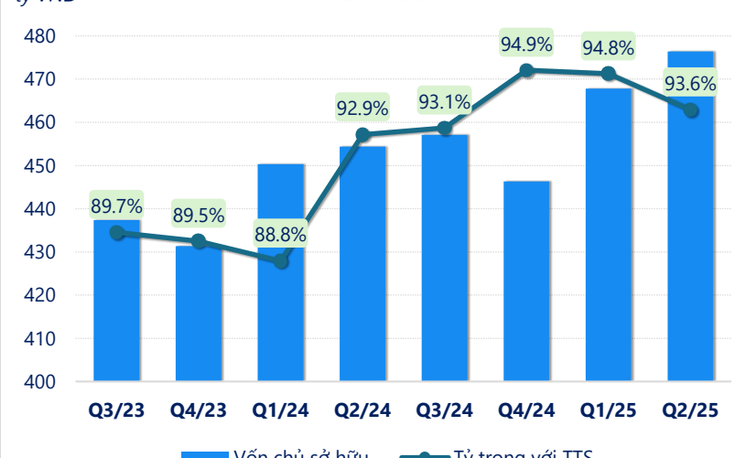

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh (HNX: TTT)

Kết quả kinh doanh

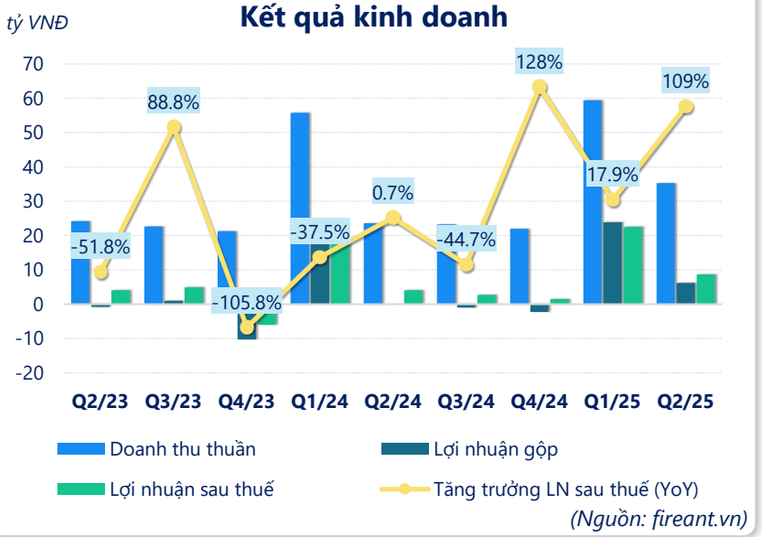

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

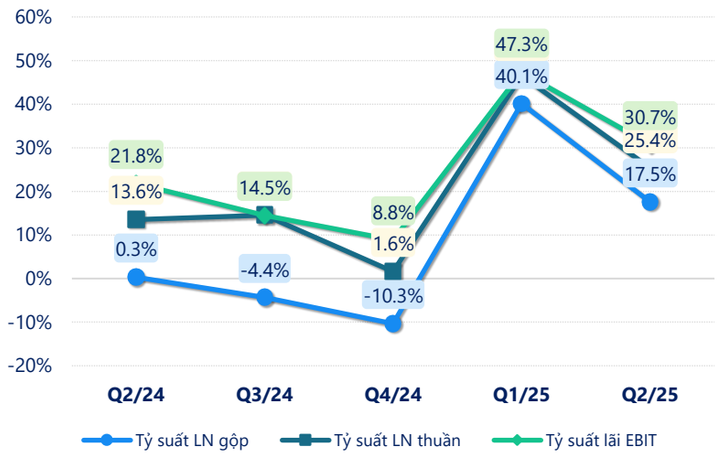

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

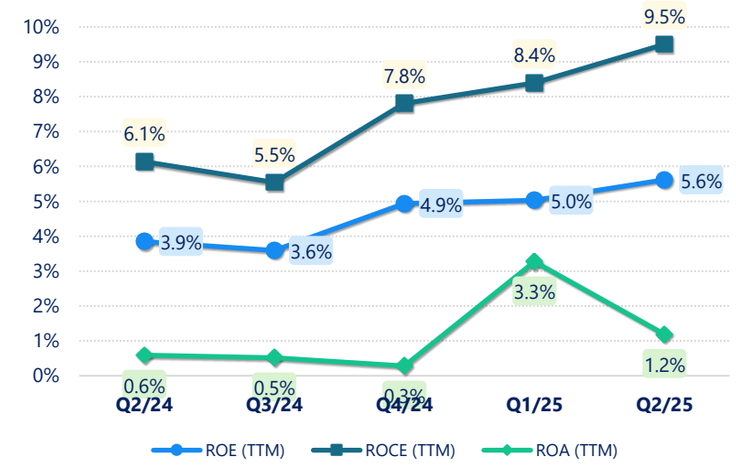

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

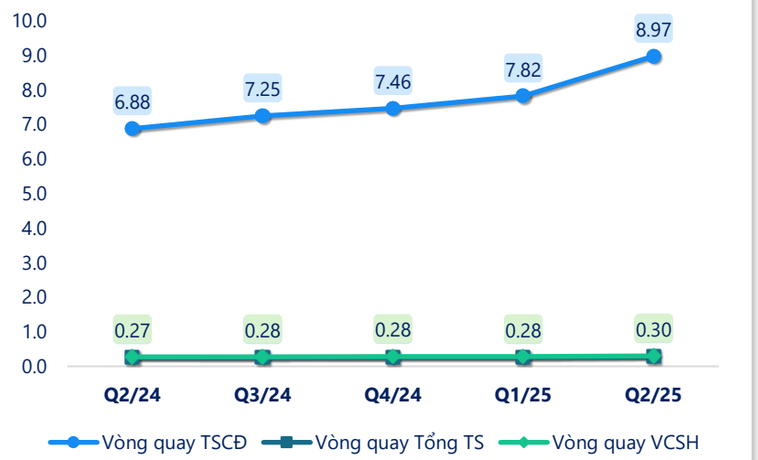

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

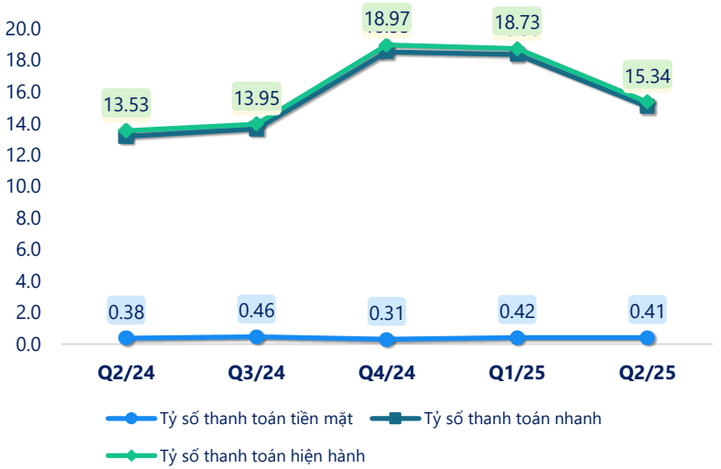

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

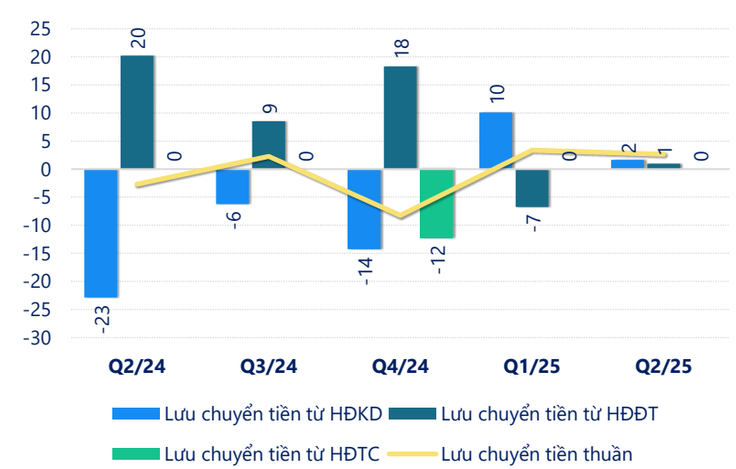

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh (HNX: TTT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**509**	**470**	**8.2%**
Tài sản ngắn hạn	491	451	8.7%
Tiền và tương đương tiền	13.2	7.28	82.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.4	22.6	38.9%
Phải thu ngắn hạn	434	410	5.8%
Hàng tồn kho	9.15	10.5	-13.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.20	1.02	215%
Tài sản dài hạn	**18.2**	**19.1**	**-4.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.0	15.1	-0.6%
Bất động sản đầu tư	1.16	1.30	-10.9%
Tài sản dở dang	0	0.81	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.03**	**1.88**	**8.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.2	24.8	29.7%
Nợ ngắn hạn	**32.0**	**24.8**	**28.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.05	10.3	-21.8%
Nợ dài hạn	0.23	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**477**	**445**	**7.0%**
Vốn chủ sở hữu	**476**	**445**	**7.0%**
Vốn điều lệ	45.7	45.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.13**	**0.15**	**-16.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	23.6	23.2	21.9	59.4	35.3
Giá vốn hàng bán	23.5	24.3	24.2	35.6	29.1
Lợi nhuận gộp	0.08	-1.01	-2.27	23.8	6.20
Doanh thu HĐTC	6.58	6.61	6.50	6.56	6.62
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.49	0.24	0.40	0.36	0.53
Chi phí QLDN	2.96	1.98	3.48	2.38	3.33
LN thuần từ HĐKD	3.19	3.38	0.35	27.7	8.96
Lợi nhuận khác	1.93	-0.02	1.59	0.46	1.88
LN trước thuế	5.13	3.36	1.94	28.1	10.8
Lợi nhuận sau thuế	4.08	2.67	1.53	22.5	8.64
LNST của CĐ cty mẹ	2.89	2.53	1.34	16.4	5.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-22.9	-6.25	-14.2	10.1	1.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.2	8.52	18.3	-6.73	0.99
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-12.2	0	0
Tiền đầu kỳ	15.9	13.3	15.5	7.28	10.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.68**	**2.27**	**-8.24**	**3.36**	**2.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.3	15.5	7.28	10.6	13.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic